



**VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI VIỆT NAM
VIỆN KỸ THUẬT BIỂN**

**Báo cáo kỳ 1 đợt đo ngày 05/02/2023
dự báo cho ngày 06/2÷11/02/2023**

Dự án:

**Giám sát và dự báo chất lượng nước trong hệ
thống công trình thủy lợi Cái Lớn - Cái Bé,
phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp**

TP. Hồ Chí Minh, tháng 02-2023

**Địa chỉ: 658 Võ Văn Kiệt, Phường 1, Quận 5, Tp. Hồ Chí Minh
ĐT: 84.8.38362821 - Fax: 84.8.39245269
Website: www.icoe.org.vn**

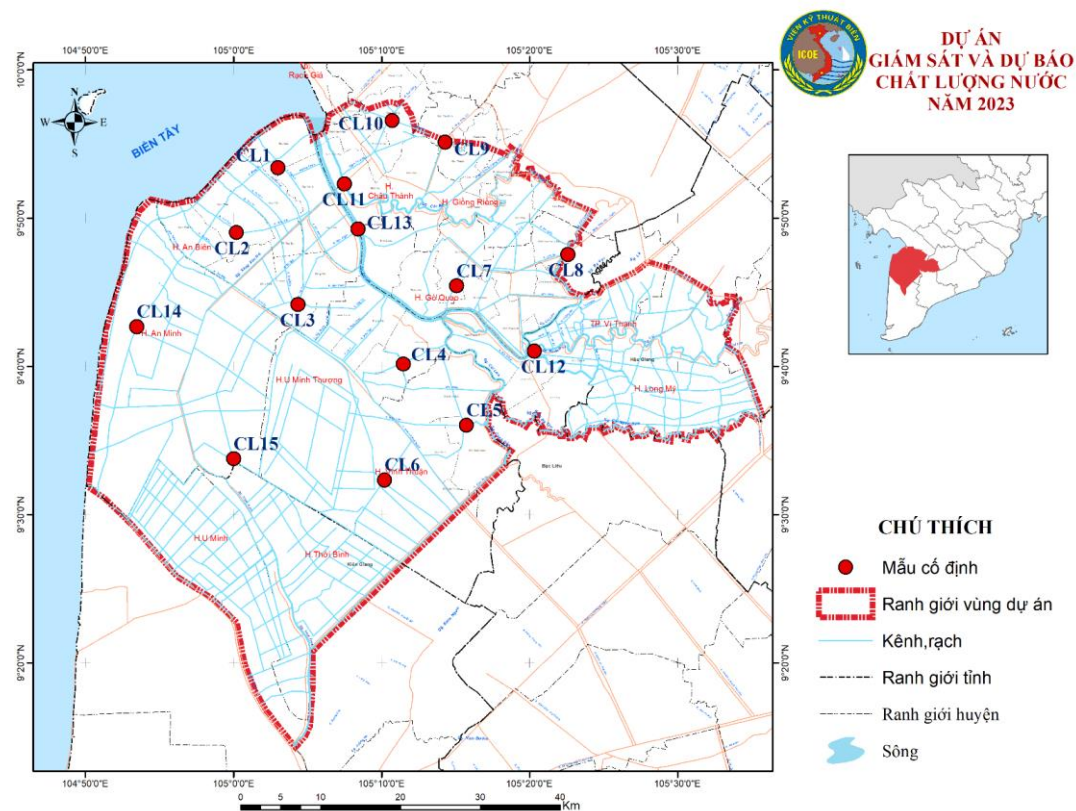
ISO 9001:2015

BẢN TIN TUẦN

“Bản tin kỳ 1 đợt đo ngày 05/02/2023 dự báo từ ngày 06/2÷11/2/2023”

1. Kết quả giám sát chất lượng nước ngày 05 tháng 2 năm 2023

Nhiệm vụ quan trắc tại 15 vị trí phục vụ giám sát, dự báo chất lượng nước được trình bày trong hình 1, kết quả đo đạc như Bảng 1.



Hình 1: Sơ đồ vị trí các điểm giám sát chất lượng nước năm 2023

Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Cái Lớn – Cái Bé, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp. (Ngày lấy mẫu 05/02/2023)

Bảng 1: Kết quả đo đạc chất lượng nước tại 15 vị trí lấy mẫu

TT	Vị trí thu mẫu (Kí hiệu)	pH	Mặn	TSS	DO	BOD ₅	COD	PO ₄ ³⁻	NH ₄ ⁺	NO ₂ ⁻	NO ₃ ⁻	Fe ^{TS}	Coliform	Chỉ số WQI	Khuyến cáo
			%	mg/l	mgO ₂ /l			mg/l					MPN/ 100ml		
	QCVN 08-MT:2015/BTNM T cột A1	6 – 8,8		20	>=6	4	10	0,1	0,3	0,05	2	0,5	2500		
	QCVN 08-MT:2015/BTNM T cột B1	5,5-9		50	>=4	15	30	0,3	0,9	0,05	10	1,5	7500		
1	Điểm lấy mẫu trên kênh Xèo Già, thuộc xã Tân Yên, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang – CL1	7,14	5,60	6,0	4,32	8,2	16,1	0,072	0,63	0,05	0,42	0,69	7200	69	Đa số các chỉ tiêu đều đạt cột B1, năm nay độ mặn có xu hướng giảm, tôm đang trong vụ nên cần chú ý độ mặn, chỉ tiêu nitrite đang ở ngưỡng giới hạn cột B1
2	Điểm lấy mẫu trên kênh Thứ 6 (tại vị trí cầu Nam Thái), thuộc xã Nam Thái, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang – CL2	7,58	10,20	5,1	5,65	6,1	13,4	0,068	0,34	0,24	0,44	1,17	8400	60	Đa số các chỉ tiêu đều đạt cột B1, ngoài trừ chỉ tiêu nitrite và coliform vượt cột B1, nên người dân cần chú ý theo dõi 2 chỉ tiêu này trước khi lấy nước cho vào các ao tôm
3	Điểm lấy mẫu trên	7,48	0,60	10,6	4,99	9,7	15,8	0,077	0,21	0,07	0,16	0,45	7900	63	Cần chú ý theo dõi chỉ

Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Cái Lớn – Cái Bé, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp. (Ngày lấy mẫu 05/02/2023)

	kênh Số 1, thuộc xã Đông Thái, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang- CL3																tiêu nitrite và coliform (vượt cột B1) khi lấy nước vào các ao nuôi tôm. Độ mặn khá thấp, không phù hợp cho nuôi tôm nên giai đoạn này người dân hạn chế xuống giống
4	Điểm lấy mẫu trên kênh Ngang (kênh Sáu Sanh), thuộc xã Vĩnh Hòa, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang – CL4	7,14	0,60	46,8	4,20	11,5	25,2	0,024	1,34	0,26	0,46	0,35	34000	32	Vị trí trên kênh Ngang ô nhiễm vi sinh, amoni và nitrite khá cao do người dân thường xuyên thay nước ô nhiễm trong ao tôm ra ngoài, nên cần chú ý theo dõi các chỉ tiêu này trước khi lấy nước cho vào ao.		
5	Điểm lấy mẫu trên kênh Làng Thứ 7 (kênh Lộ Se), thuộc xã Vĩnh Bình Nam, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang – CL5	7,14	1,00	15,2	6,01	8,1	18,6	0,089	0,38	0,15	0,34	0,51	5800	70	Đa số các chỉ tiêu đều đạt cột B1, cho thấy CLN tại kênh Làng Thứ 7 đảm bảo cấp nước cho NTTS và SXNN, ngoại trừ chỉ tiêu nitrite khá cao vượt cột B1, nên người dân cần lưu ý trước khi lấy nước cho vào ao nuôi tôm, cá. Độ mặn khá thấp		

Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Cái Lớn – Cái Bé, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp. (Ngày lấy mẫu 05/02/2023)

																		nên cần chú ý theo dõi độ mặn trong vài ngày tới.
6	Điểm lấy mẫu trên kênh 8000 giao với Lộ Kênh 2, thuộc xã Tân Thuận, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang- CL6	7,46	3,70	5,9	5,62	10,7	18,5	0,094	0,79	0,14	0,51	0,52	4700	69	Đa số các chỉ tiêu đều đạt cột B1, cho thấy CLN trên kênh 8000 giao với kênh Lộ 2 đảm bảo cấp nước cho NTTS và SXNN, ngoại trừ chỉ tiêu nitrite khá cao vượt cột B1			
7	Điểm lấy mẫu trên kênh KH5, thuộc xã Định Hòa, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang – CL7	7,12	0,00	17,5	5,49	9,2	16,4	0,083	0,41	0,25	0,31	0,36	6900	65	Vị trí trên kênh KH5 có chất lượng khá tốt, đảm bảo phục vụ cho SXNN, hiện nay lúa đang trong giai đoạn trổ bông, nên người dân bón lót nhiều phân bón nên nguồn nước ô nhiễm nitrite khá cao			
8	Điểm lấy mẫu tại nơi giao nhau giữa sông Cái Bé với kênh Ô Môn (sông Ba Hồ), thuộc xã Vĩnh Hòa Hưng Bắc, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang – CL8	7,12	0,00	4,9	5,53	11,6	19,5	0,091	0,92	0,15	0,17	0,64	4800	67	Chất lượng nước khá tốt, đảm bảo cho mục đích SXNN và bảo tồn động vật thủy sinh. Ngoại trừ chỉ tiêu amoni và nitrite khá cao vượt cột B1 do hiện nay lúa đang			

Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Cái Lớn – Cái Bé, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp. (Ngày lấy mẫu 05/02/2023)

																	trong giai đoạn trở đồng nên người dân sử dụng nhiều phân bón, làm cho 2 chỉ tiêu này tăng cao.
9	Điểm lấy mẫu trên kênh Chung Bàu, thuộc xã Bàn Tân Định, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang – CL9	7,02	0,00	16,4	4,05	16,4	26,9	0,13	0,74	0,36	0,87	0,23	22000	32	Đa số các chỉ tiêu đều đạt cột B1, đảm bảo cấp nước cho SXNN, ngoại trừ chỉ tiêu nitrite, BOD ₅ và coliform khá cao, do gần vị trí lấy mẫu đồng dân cư và chợ, đa số người dân sống dọc kênh nên xả thải trực tiếp xuống kênh và 1 phần từ lượng phân bón hóa chất từ SXNN.		
10	Điểm lấy mẫu trên kênh xáng Giồng Riềng, thuộc xã Giục Tượng, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang – CL10	7,14	0,00	15,9	4,63	13,6	28,1	0,037	1,19	0,47	0,71	0,47	6400	59	Vị trí trên kênh Xáng Giồng Riềng ô nhiễm amoni và nitrite khá cao do người dân thường xuyên xả thải trực tiếp xuống kênh và ảnh hưởng từ lượng phân bón từ SXNN, bên cạnh đó gần vị trí CL10 có nhà máy chế thủy sản nên 1 phần cũng ảnh		

Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Cái Lớn – Cái Bé, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp. (Ngày lấy mẫu 05/02/2023)

																hưởng đến CLN.
11	Điểm lấy mẫu trên sông Cái Bé (tại bến phà Tắc Cậy), thuộc xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang – CL11	7,1	0,30	19,4	5,64	10,3	20,3	0,066	0,88	0,24	0,76	0,84	5200	66	Chất lượng nước tại bến phà Tắc Cậy có ô nhiễm nitrie khá cao do ảnh hưởng từ các nhà máy chế biến thủy hải sản ở khu vực xung quanh. Độ mặn trên sông Cái Bé khá thấp	
12	Điểm lấy mẫu trên sông Nước Đục (tại bến phà Hòa Tiến), thuộc Xã Hòa Tiến, Tp. Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang – CL12	7,18	0,00	7,2	4,42	13,8	26,5	0,092	0,99	0,05	0,97	0,63	4400	74	Chất lượng nước trên sông Nước Đục khá tốt, đa số các chỉ tiêu đều đạt cột B1, đảm bảo phục vụ SXNN, ngoại trừ chỉ tiêu amoni khá cao	
13	Điểm lấy mẫu trên sông Cái Lớn giao với kênh Năm Ngàn, thuộc xã Hưng Yên, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang – CL13	7,14	0,80	24,4	4,97	11,4	18,6	0,078	0,49	0,37	0,71	0,42	33000	35	Vị trí trên kênh Năm Ngàn giao với sông Cái Lớn bị ô nhiễm vi sinh và ô nhiễm dinh dưỡng về chỉ tiêu nitrite do ảnh hưởng từ việc xả thải của người dân sống dọc 2 bên kênh. Độ mặn tại vị trí này khá thấp, nên cần chú ý theo dõi độ mặn trong vài ngày tới để kịp thời	

Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Cái Lớn – Cái Bé, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp. (Ngày lấy mẫu 05/02/2023)

																			cho vào các ao tôm.
14	Điểm lấy mẫu trên kênh Xèo Nhàu giao với kênh Chông Mỹ, xã Tân Thạnh, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang – CL14	7,40	17,00	62,4	5,82	6,2	12,1	0,039	0,21	0,11	0,23	0,21	5200	77	Độ mặn khá cao, đây là vùng nuôi tôm quanh năm, đa số các chỉ tiêu đều đạt cột B1, ngoại trừ chỉ tiêu nitrite và TSS cao vượt cột B1, do trên kênh tàu thuyền qua lại thường xuyên nên các hộ nuôi tôm cần chú ý theo dõi để có biện pháp xử lý phù hợp.				
15	Điểm lấy mẫu trên kênh Cùg giao với kênh KT1, xã Đông Hưng, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang – CL15	7,53	12,00	5,2	5,60	7,2	14,7	0,087	0,15	0,15	0,41	0,30	4500	77	Đa số các chỉ tiêu đều đạt cột B1, ngoại trừ chỉ tiêu nitrite vượt cột B1 do ảnh hưởng từ việc người dân xả thải trực tiếp xuống kênh, nên người dân cần chú ý theo dõi chỉ tiêu này trước khi lấy nước cho vào các ao tôm				

(Ghi chú: các giá trị của chỉ số nào vượt ngưỡng cột B1 thì in đậm)

Thang đo đánh giá chất lượng nước theo WQI

Loại	Giá trị WQI	Chất lượng nước	Mức đánh giá chất lượng nước	Thang
------	-------------	-----------------	------------------------------	-------

Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Cái Lớn – Cái Bé, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp. (Ngày lấy mẫu 05/02/2023)

I	91 – 100	Rất tốt	Sử dụng tốt cho mục đích cấp nước sinh hoạt	
II	76 – 90	Tốt	Sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần các biện pháp xử lý phù hợp	
III	51 - 75	Trung bình	Sử dụng cho mục đích tưới tiêu và các mục đích tương đương khác	
IV	26 - 50	Kém	Sử dụng cho giao thông thủy và các mục đích tương đương khác	
V	10 – 25	Ô nhiễm nặng	Nước ô nhiễm nặng, cần các biện pháp xử lý trong tương lai	
VI	<10	Ô nhiễm rất nặng	Nước nhiễm độc, cần có biện pháp khắc phục, xử lý	

2. Dự báo chất lượng nước ngày 06/2÷11/02/2023

Kết quả dự báo 4 chỉ tiêu chính bao gồm: độ mặn, DO, BOD₅, NH₄⁺ từ ngày 06/2/2023 đến 12/2/2023 được thể hiện qua các Bảng 2 đến Bảng 5 như sau:

2.1. Độ mặn

Độ mặn dự báo từ 06/2÷11/2/2023 dao động trong khoảng 0,01÷17,78‰, độ mặn năm nay có xu hướng giảm hơn so với năm ngoái. Độ mặn tại các vị trí SXNN khá thấp luôn dưới 1‰. Tại các vị trí trên kênh Số 1-CL3, kênh Ngang-CL4 có độ mặn dưới 5‰, nên người dân cần chú ý theo dõi độ mặn để có biện pháp lấy nước cho phù hợp với NTTS. Độ mặn cao nhất là tại vị trí kênh Xẻo Nhàu giao kênh Chồng Mỹ-CL14, đây là khu vực chuyên nuôi tôm quanh năm.

Bảng 2: Giá trị dự báo độ mặn tại các điểm giám sát từ 06/2÷12/2/2023

Kí hiệu	Độ mặn dự báo (mg/l)							
	06/02	07/02	08/02	09/02	10/02	11/02	Min	Max
CL1	5,95	6,52	7,11	7,76	8,31	8,67	5,95	8,67
CL2	10,34	10,57	10,62	10,63	10,68	10,81	10,34	10,81
CL3	0,56	0,70	0,46	0,95	2,67	2,87	0,46	2,87
CL4	0,61	0,66	0,63	0,64	0,58	0,46	0,46	0,66
CL5	1,66	2,18	2,10	2,14	2,31	2,50	1,66	2,50
CL6	3,77	3,92	4,01	4,08	4,14	4,18	3,77	4,18
CL7	0,25	0,25	0,25	0,25	0,25	0,25	0,25	0,25
CL8	0,10	0,10	0,11	0,12	0,12	0,12	0,10	0,12
CL9	0,01	0,08	0,15	0,21	0,24	0,25	0,01	0,25
CL10	0,02	0,06	0,09	0,11	0,10	0,11	0,02	0,11
CL11	0,39	0,48	0,52	0,56	0,64	0,83	0,39	0,83
CL12	0,05	0,05	0,05	0,05	0,06	0,05	0,05	0,06
CL13	0,72	0,89	1,18	1,42	1,63	1,83	0,72	1,83
CL14	17,78	17,71	17,67	17,66	17,68	17,69	17,66	17,78
CL15	12,26	11,34	11,31	11,72	12,42	13,18	11,31	13,18
Ranh mặn	<1 ‰	1‰-4‰		>4‰				

2.1.1.1. Oxy hòa tan (DO)

Bảng 3: Giá trị dự báo DO tại các điểm giám sát từ 06/2÷12/2/2023

Kí hiệu	DO dự báo (mg/l)							
	06/02	07/02	08/02	09/02	10/02	11/02	Max	Min
CL1	5,52	5,51	5,49	5,47	5,46	5,51	5,52	5,46
CL2	5,98	5,98	5,98	5,98	5,98	5,98	5,98	5,98
CL3	5,50	5,50	5,50	5,50	5,49	5,49	5,50	5,49
CL4	5,53	5,53	5,53	5,53	5,53	5,53	5,53	5,52
CL5	5,99	6,00	6,00	5,99	6,00	5,99	6,00	5,98

Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Cái Lớn – Cái Bé, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp. (Ngày lấy mẫu 05/02/2023)

CL6	5,99	5,99	5,98	5,98	5,97	5,97	5,99	5,97
CL7	5,32	5,26	5,18	5,09	5,05	5,59	5,59	5,05
CL8	6,00	5,99	5,99	5,98	5,98	5,98	6,00	5,98
CL9	4,56	4,45	4,38	4,36	4,38	4,41	4,56	4,36
CL10	5,69	5,68	5,70	5,71	5,72	5,73	5,76	5,68
CL11	4,98	5,01	5,06	5,11	5,13	5,13	5,13	4,98
CL12	5,23	5,24	5,23	5,20	5,15	5,05	5,24	4,98
CL13	4,93	4,98	5,03	5,08	5,14	5,20	5,20	4,93
CL14	5,99	5,99	5,99	5,99	5,99	5,99	5,99	5,98
CL15	5,99	5,99	5,99	5,98	5,98	5,98	5,99	5,98
QCVN 08 (Cột A1)	>=6							
QCVN 08 (Cột B1)	>=4							
Vượt cột B1	<4							

Hàm lượng DO dự báo tương đối tốt, dao động từ 4,36÷6,00 mg/l, tại tất cả các vị trí đều đạt QCVN 08/2015 cột A1 và B1, đảm bảo cho bảo tồn động vật thủy sinh và NTTS.

2.1.1.2. Nhu cầu Oxy sinh hóa (BOD₅)

Hàm lượng BOD₅ dự báo dao động từ 7,18÷18,08mg/l, cho thấy chất lượng nước trong hệ thống đang bị ô nhiễm hữu cơ vượt quá khả năng làm sạch của nguồn nước. Vị trí trên kênh Chung Bàu khá ô nhiễm hữu cơ, vượt quy chuẩn cột B1 nên cần hạn chế lấy nước cấp cho sinh hoạt. Nhìn chung chất lượng nước trong hệ thống đảm bảo cơ bản cho mục đích bảo tồn động vật thủy sinh và NTTS.

Bảng 4: Giá trị dự báo BOD₅ tại các điểm giám sát từ 06/2÷12/2/2023

Kí hiệu	BOD ₅ dự báo (mg/l)							
	06/02	07/02	08/02	09/02	10/02	11/02	Min	Max
CL1	7,52	7,45	7,31	7,18	7,33	7,75	7,18	7,75
CL2	7,51	7,51	7,51	7,53	7,58	7,65	7,51	7,65
CL3	11,56	11,70	11,49	11,34	11,20	10,55	10,55	11,70
CL4	11,83	11,80	11,75	11,70	11,67	11,64	11,64	11,83
CL5	7,59	7,63	7,68	7,73	7,79	7,81	7,59	7,81
CL6	7,59	7,63	7,68	7,73	7,79	7,81	7,59	7,81
CL7	7,65	7,70	7,92	8,05	8,01	8,14	7,65	8,14
CL8	9,21	9,10	9,00	8,95	9,09	9,46	8,95	9,46
CL9	18,08	17,26	16,88	16,94	17,01	17,17	16,88	18,08
CL10	10,46	10,33	10,42	10,40	10,17	9,83	9,83	10,46
CL11	8,28	8,54	8,63	8,89	9,34	9,71	8,28	9,71
CL12	13,77	13,73	13,10	12,79	12,87	12,94	13,77	12,79
CL13	8,68	8,91	9,01	9,27	9,58	9,75	8,68	9,75
CL14	7,49	7,49	7,49	7,49	7,51	7,55	7,49	7,55

Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Cái Lớn – Cái Bé, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp. (Ngày lấy mẫu 05/02/2023)

CL15	7,49	7,48	7,49	7,49	7,51	7,55	7,48	7,55
QCVN 08 (Cột A1)	4							
QCVN 08 (Cột B1)	15							
Vượt cột B1	>15							

2.1.1.3. Amoni (NH₄⁺)

Giá trị NH₄⁺_N dự báo dao động từ 0,21÷1,0 mg/l, nhiều vị trí đạt cột A1 (vị trí CL3, CL5, CL7, CL14 và CL15), các vị trí còn lại dao động trong khoảng giữa cột A1 và B1, cho thấy chất lượng nước đợt này có xu hướng bị ô nhiễm dinh dưỡng ở mức trung bình, trừ các vị trí trên kênh Xáng Giồng Riêng và trên sông Cái Bé tại bên phà Tắc Cậu có hàm lượng amôni khá cao vượt cột B1 vào ngày 10/02 và 11/02 nên cần chú ý theo dõi để có biện pháp xử lý trước khi lấy nước vào các ao tôm.

Bảng 5: Giá trị dự báo NH₄⁺ tại các điểm giám sát từ 06/2÷12/2/2023

Kí hiệu	Amôni dự báo (mg/l)							
	06/02	07/02	08/02	09/02	10/02	11/02	Max	Min
CL1	0,54	0,53	0,52	0,52	0,52	0,53	0,54	0,52
CL2	0,33	0,33	0,32	0,32	0,31	0,29	0,33	0,29
CL3	0,28	0,27	0,26	0,26	0,27	0,30	0,30	0,26
CL4	0,86	0,85	0,84	0,84	0,83	0,83	0,86	0,83
CL5	0,26	0,26	0,26	0,26	0,27	0,28	0,28	0,26
CL6	0,60	0,60	0,60	0,60	0,60	0,60	0,60	0,60
CL7	0,26	0,24	0,23	0,23	0,21	0,27	0,27	0,21
CL8	0,60	0,60	0,61	0,62	0,66	0,73	0,73	0,60
CL9	0,74	0,74	0,77	0,81	0,82	0,85	0,85	0,74
CL10	0,79	0,73	0,74	0,79	0,86	0,92	0,92	0,73
CL11	0,85	0,84	0,84	0,90	0,98	1,00	1,00	0,84
CL12	0,63	0,63	0,63	0,63	0,66	0,70	0,70	0,63
CL13	0,47	0,46	0,46	0,49	0,52	0,52	0,52	0,46
CL14	0,27	0,26	0,25	0,25	0,24	0,24	0,27	0,24
CL15	0,27	0,27	0,26	0,26	0,25	0,25	0,27	0,25
QCVN 08 (Cột A1)	0,3							
QCVN 08 (Cột B1)	0,9							
Vượt cột B1	>0,9							

Kết luận chung:

- Độ mặn trong đầu tháng 2 cao tại các vị trí chuyên nuôi trồng thủy sản, ở

các huyện An Minh, An Biên, các vị trí còn lại độ mặn dao động thấp. Trong thời gian tới độ mặn dự báo có xu hướng tăng nên người dân cần chú ý theo dõi độ mặn để có chế độ lấy nước cho phù hợp.

- Kết quả dự báo DO tương đối tốt, dự báo amôni và BOD phản ánh được xu thế ô nhiễm dinh dưỡng và hữu cơ trong hệ thống thủy lợi Cái Lớn-Cái Bé, đặc biệt là vị trí trên kênh Chung Bàu, bên phà Tắc Cậu và kênh Xáng Giồng Riêng ô nhiễm khá cao vượt cột B1. Do các kênh này tập trung đông người dân sống dọc kênh, chăn nuôi và xả nước thải trực tiếp xuống kênh và ảnh hưởng 1 phần từ các nhà máy chế biến thủy hải sản trong khu vực, nên cần chú ý theo dõi để có biện pháp xử lý kịp thời. Nhìn chung chất lượng nước trong hệ thống cơ bản vẫn đáp ứng cho mục đích NTTS và SXNN.